

Nội dung bài viết

1. [Bài văn mẫu 1: Phân tích đoạn đầu bản Tuyên ngôn độc lập hay](#)
2. [Bài văn hay 2: Phân tích đoạn đầu bản Tuyên ngôn độc lập](#)
3. [Bài văn mẫu 3: Phân tích đoạn đầu bản Tuyên ngôn độc lập hay nhất](#)
4. [Bài văn mẫu 4: Phân tích đoạn đầu bản Tuyên ngôn độc lập](#)
5. [Bài văn hay 5: Phân tích đoạn đầu bản Tuyên ngôn độc lập](#)
6. [Dàn ý chi tiết: Phân tích đoạn đầu bản Tuyên ngôn độc lập](#)

Bài văn mẫu 1: Phân tích đoạn đầu bản Tuyên ngôn độc lập hay

“Tuyên ngôn Độc lập” là văn kiện có giá trị lịch sử to lớn: là lời tuyên bố xóa bỏ chế độ thực dân, phong kiến, là sự khẳng định quyền tự chủ và bình đẳng của dân tộc ta trên toàn thế giới, là mốc son chói lọi đánh dấu sự kiện nước ta bước vào một kỉ nguyên mới, kỷ nguyên của độc lập, tự do. Đoạn mở đầu tác phẩm đã thể hiện rõ giá trị nội dung tư tưởng và nghệ thuật lập luận của Hồ Chí Minh.

“Hỡi đồng bào cả nước” là câu nói mở đầu bản tuyên ngôn. Nó có sức mạnh hiệu triệu, lay động hàng triệu trái tim đồng bào, là đối tượng hướng đến của chủ tịch Hồ Chí Minh. Đối tượng tiếp nhận của bản tuyên ngôn này bao gồm đồng bào cả nước, nhân loại tiến bộ trên thế giới, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đang lăm le quay lại xâm lược nước ta.

Vì vậy, Người đã trích dẫn hai bản “Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ” năm 1776: “Tất cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền được tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc” và bản “Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền” của Pháp (1791): “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi” làm dẫn chứng xác thực.

Việc làm đó đã tạo nên tiền đề, cơ sở pháp lý cho bản tuyên ngôn. Người đã thể hiện niềm tự hào, tự tôn dân tộc. Người đã đặt cuộc cách mạng Việt Nam ngang hàng với cuộc cách mạng của Pháp và Mỹ. Hồ Chí Minh đã sử dụng thủ pháp “gậy ông đập lưng ông”, lấy hành động của con cháu Pháp, Mĩ chà đạp lên lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái đi xâm lược Việt Nam.

Nghệ thuật lập luận trong đoạn mở đầu cũng rất đặc sắc. Hồ Chí Minh đã dùng những lí lẽ sắc sảo, đanh thép, hùng hồn. Văn phong của Người thể hiện trí tuệ uyên bác, hiện đại. Bản tuyên ngôn của Hồ Chí Minh đi trước thời đại về vấn đề nhân quyền và dân quyền. Từ những lí lẽ đầy đủ, cụ thể, Người đã đưa ra một lí lẽ đanh thép: “Đó là những lẽ phải không thể chối cãi được”.

Qua phần mở đầu “Tuyên ngôn Độc lập”, ta còn thấy văn phong của Hồ Chí Minh rất đặc sắc, ngắn gọn và súc tích. Đoạn mở đầu ấy đã làm nổi bật giá trị nội dung tư tưởng và nghệ thuật lập luận của Hồ Chí Minh

Bài văn hay 2: Phân tích đoạn đầu bản Tuyên ngôn độc lập

Bản “Tuyên ngôn Độc lập” ngày 2 tháng 9 năm 1945 là một văn kiện có giá trị và ý nghĩa lịch sử to lớn: Tuyên bố thủ tiêu chế độ thực dân và phong kiến trên đất nước ta, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra kỉ nguyên mới độc lập, tự do của dân tộc.

Bản “Tuyên ngôn Độc lập” do Hồ Chí Minh soạn thảo, trong đoạn văn mở đầu có giá trị nổi bật về tư tưởng và nghệ thuật lập luận, tiêu biểu cho phong cách chính luận của Người.

Về nội dung tư tưởng, Hồ Chí Minh đã chỉ ra và khẳng định: quyền bình đẳng, quyền được sống, quyền được tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc là những quyền thiêng liêng của con người “không ai có thể xâm phạm được”. Nhân quyền là cao cả thiêng liêng, bởi lẽ “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”.

Nội dung tư tưởng của đoạn văn mở đầu bản “Tuyên ngôn Độc lập” càng trở nên sâu sắc vì từ những quyền thiêng liêng của con người, Chủ tịch Hồ Chí Minh nâng lên quyền của các dân tộc: “tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”. Tư tưởng vĩ đại ấy không chỉ thể hiện khát vọng về độc lập tự do của nhân dân ta mà còn phản ánh khát vọng của các dân tộc nhược tiểu, phản ánh xu thế giải phóng dân tộc sau Thế chiến thứ hai. Đó là “cống hiến nổi tiếng của Cụ Hồ Chí Minh” (Giáo sư Singô Sibata - Nhật Bản).

Nghệ thuật lập luận trong đoạn mở đầu cũng rất đặc sắc. “Tuyên ngôn Độc lập” có kết cấu ba phần rất chặt chẽ: định đề- phản đề- tuyên bố.

Ở phần định đề, Hồ Chí Minh trích dẫn hai đoạn văn tiêu biểu nhất nói về nhân quyền và dân quyền trong bản “Tuyên ngôn Độc lập” năm 1776 của nước Mỹ và bản “Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp” năm 1791. Mỹ và Pháp là hai quốc gia vĩ đại; nhân quyền và dân quyền là tư tưởng vĩ đại, là khát vọng của con người, là chân lý có ý nghĩa phổ quát, không ai có thể chối cãi được. Cách trích dẫn của Bác rất chuẩn mực theo thứ tự thời gian (1776 - 1791), trên hai châu lục khác nhau (châu Mỹ, châu Âu), hai quốc gia khác nhau (nước Mỹ, nước Pháp), nhưng lại tương đồng về tư tưởng nhân quyền và dân quyền. Từ quyền thiêng liêng của con người, Hồ Chí Minh “suy rộng ra” nói đến quyền tự quyết của các dân tộc. Từ trích dẫn đi đến khẳng định: “Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”. Cách lập luận ấy rất chặt chẽ, đanh thép, giàu sức thuyết phục.

Nghệ thuật trích dẫn của Hồ Chí Minh đã chỉ ra khát vọng về độc lập tự do của nhân dân ta, ca ngợi tầm vóc vĩ đại của cuộc Cách mạng tháng Tám. Người vừa tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của các dân tộc trên thế giới, đồng thời ngấm cảnh báo những âm mưu đen tối của thực dân Pháp và bọn đế quốc rằng, chúng xâm lược nước ta là chính chúng đã chà đạp lên nhân quyền và quyền tự quyết của các dân tộc.

Cách mở bài rất đặc sắc, vì từ định đề mà chuyển sang phần phản đề, Hồ Chí Minh đã vạch trần bộ mặt xảo quyệt thâm độc của thực dân Pháp “lợi dụng lá cờ tự do bình đẳng, bác ái đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta” trong suốt tám mươi năm trời, gây ra bao tội ác ghê tởm về chính trị, về kinh tế... Cách lập luận như thế rất chặt chẽ và hùng hồn.

Qua phần mở đầu “Tuyên ngôn Độc lập”, ta còn thấy văn phong đặc sắc của Hồ Chí Minh: ngắn gọn, súc tích, thâm thúy, rung động lòng người, “Tuyên ngôn Độc lập” là “lời Non Nước” cao cả và thiêng liêng.

Bài văn mẫu 3: Phân tích đoạn đầu bản Tuyên ngôn độc lập hay nhất

Trong suốt sự nghiệp văn chương của mình, Hồ Chí Minh đã để lại cho thế hệ đời sau những kiệt tác văn học. Phần lớn thơ ca của Người là để ca ngợi thiên nhiên hoặc kêu gọi nhân dân đồng lòng đứng lên kháng chiến. Nổi bật hơn cả là áng văn nghị luận “Tuyên ngôn Độc lập”, một văn kiện mang tính lịch sử, chính thức khai sinh ra nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Được đánh giá là sự chuẩn mực của thể loại nghị luận, ngay từ đầu tác phẩm, Hồ Chí Minh đã viết rất cao tay, vừa khéo léo, vừa kiên quyết lại hàm chứa nhiều ý nghĩa sâu sắc.

Nghị luận là một thể loại văn chương mang tính thuyết phục rất cao, thường có tích triết lý hàn lâm, dùng để diễn tả và truy vấn đạt một tư tưởng nào đó đối với các sự việc, hiện tượng trong đời sống thông qua các hệ thống luận điểm, luận cứ và lập luận. Tác phẩm nghị luận mang ý kiến, tư tưởng của người viết, thường sẽ là tư tưởng đúng đắn, tích cực, có tầm ảnh hưởng tới định hướng xã hội. Đặt trong bối cảnh lịch sử, bản “Tuyên ngôn Độc lập” đã đáp ứng tất cả những yêu cầu cũng như tuân thủ chuẩn mực những quy tắc của một văn bản nghị luận. Việt Nam chính thức thoát khỏi ách nô lệ, trở thành một nước độc lập sau Cách mạng Tháng tám năm 1945. Với sự kiện tối quan trọng ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã soạn thảo “Tuyên ngôn Độc lập” để đọc trước toàn thể nhân dân. Phần mở đầu của tác phẩm đã tạo nên một hệ thống cơ bản, làm cơ sở lý luận vững chãi cho toàn bộ ba phần phía sau, đồng thời trình bày lý lẽ sắc bén, bao hàm tầng ý nghĩa sâu xa, thâm biếm:

“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”.

Lời bất hủ ấy ở trong Bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói: Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi.

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.”

Khẳng định quyền tự do của dân tộc Việt Nam, Hồ Chủ tịch không đưa ra những lời lẽ kêu gọi sáo rỗng mà lựa chọn cách trích dẫn trực tiếp bản “Tuyên ngôn Độc lập” năm 1778 của Mỹ. Sau đó, Người đưa ra dẫn chứng về bản “Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền” của Cách mạng Pháp năm 1791 để khẳng định “quyền bình đẳng”, “quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Cái hay trong thủ pháp nghệ thuật ở đây là “gậy ông đập lưng ông”, lấy chính cái mà Đế quốc Mỹ, Thực dân Pháp khẳng định và tuyên bố về quyền con người, quyền tự do để phản bác lại những hành động đơ bản của chúng. Bản thân chúng là người đề cao sự tự do, khẳng định con người “luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi” lại đi xâm lược nước khác. Dùng chính những lý lẽ, lập luận của kẻ thù, những lý luận đã đưa Pháp và Mỹ lên tằm “thượng đẳng”, cao quý lại đi ngược lại với lời của chính tổ tiên họ để lại. Hồ Chí Minh viết rất cao tay, mang hàm nghĩa sâu sắc, khéo léo và có phần mỉa mai, châm biếm. Những lời này giống như một cái tát vào chính quyền tư bản thực dân xâm lược Việt Nam suốt vài thập kỷ. Rõ ràng là trích dẫn một cách trang nghiêm, tôn trọng nhưng thực chất là “chặn họng” những tên mang tư tưởng bá chủ, thống trị thế giới, đi ngược lại với lẽ tự nhiên, với những lời đã được cha ông họ truyền lại.

Một ẩn ý sâu sắc không phải ai cũng nhận ra khi Bác nhắc đến Mỹ và Pháp ngay từ đầu bản Tuyên ngôn độc lập, trước khi liên hệ với Việt Nam là sự ngang hàng. Đặt Việt Nam sánh vai với hai cường quốc kinh tế là Pháp, Mỹ, Hồ Chí Minh khẳng định tầm quan trọng của quyền tự do tại Việt Nam cũng quan trọng như tại hai nước đế quốc này. Nền độc lập của bất kỳ quốc gia nào, bất kỳ lãnh thổ nào cũng đáng tôn trọng và đáng giữ gìn. Ý nghĩa sâu sắc không phải ai cũng ngộ ra được đã thể hiện tài năng văn học, đồng thời thể hiện trí tuệ xuất chúng của Hồ Chủ tịch.

“Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”. Không chỉ gói gọn trong khuôn khổ Việt Nam, Hồ Chí Minh còn mở rộng vấn đề nhân quyền, tự do ra tầm thế giới. Một mặt, tác giả muốn khẳng định sự tự do của Việt Nam đáng để được quốc tế quan tâm và ghi nhận, một mặt là lời kêu gọi vừa kín đáo, vừa quật khởi với các nước đang chìm đắm dưới ách nô lệ. Sau Cách mạng Tháng tám của Việt Nam, các dân tộc thuộc địa như Lào và Campuchia đã được tiếp thêm sức mạnh tinh thần mạnh mẽ cũng như niềm tin vào chế độ Xã hội Chủ nghĩa, đồng thời, sự kiện ngày 2

tháng 9 cũng đặt một mốc son vàng chói lọi vào công cuộc chiến thắng chủ nghĩa Phát xít trên toàn thế giới.

Đoạn mở đầu của “Tuyên ngôn Độc lập” được viết rất khéo và đắt, vừa kiên quyết khẳng định quyền tự do của Việt Nam, vừa khéo léo lên án, chỉ trích chủ nghĩa thực dân bất công, vô lý. Không chỉ mang tầm lịch sử đối với lãnh thổ Việt Nam, đây cũng là một tác phẩm có ý nghĩa quốc tế, là động lực đứng lên kháng chiến cho nhiều quốc gia khác. Về mặt nghệ thuật, “Tuyên ngôn Độc lập” là hình mẫu chuẩn mực về văn nghị luận với những lớp lang, lý lẽ rõ ràng, đặc biệt là đoạn mở đầu đầy tính thuyết phục, mang tầm thời đại.



Bài văn mẫu 4: Phân tích đoạn đầu bản Tuyên ngôn độc lập

“Nắng Ba Đình mùa thu

Thắm vàng trên Lăng Bác

Vẫn trong vắt bầu trời

Ngày Tuyên ngôn Độc lập.”

Mỗi lần đọc bài thơ “Nắng Ba Đình”, lòng tôi lại nao nao xúc động nhớ những thước phim tài liệu về ngày Quốc khánh mừng 2 tháng 9 năm 1945 - ngày đánh dấu một sự kiện lớn trong lịch sử của dân tộc ta. Tôi chợt bắt gặp một vầng trán cao rộng, một ánh mắt nheo cười, Bác Hồ đang bước lên lễ đài cùng với giọng nói ấm áp, thân mật: “Hỡi đồng bào cả nước!”.

“Tuyên ngôn Độc lập” mở đầu bằng những câu văn hết sức giản dị, mộc mạc như vậ y mà vẫn chứa chan tình cảm yêu thương, vẫn gợi không khí thật thiêng liêng. Hai tiếng “đồng bào” thật gần gũi, thân mật, vừa chứa chan tình yêu thương ruột thịt, vừa khơi dậy niềm tự hào, khơi dậy cội nguồn linh thiêng của dân tộc: Con Rồng, cháu Tiên. Trên thế giới này, có lẽ chỉ riêng dân tộc ta là cùng sinh ra từ bọc trăm trứng của mẹ Âu Cơ.

Có thể nói, vấn đề cơ bản và quan trọng nhất trong phần mở đầu của “Tuyên ngôn Độc lập” chính là xác lập cơ sở pháp lý. Cơ sở pháp lý ban đầu của Tuyên ngôn Độc lập, đó là những quyền không ai có thể chối cãi được. Những lời ấy được ghi trong bản Tuyên ngôn Độc lập ở Mỹ và bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp. Đó là quyền được sống, quyền tự do, quyền bình đẳng và quyền mưu cầu hạnh phúc. Lấy những lời bất hủ được ghi rành rành trong hai bản “Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ” và “Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền Pháp” đã được cả thế giới công nhận làm cơ sở pháp lý vô cùng vững chắc cho bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Bác đã dẫn lời hai bản tuyên ngôn nổi tiếng của Mỹ và của Pháp, chứa đựng những tư tưởng lớn, đã được thừa nhận của nhân loại, để làm cơ sở pháp lý cho bản tuyên ngôn của Việt Nam. Cách lập luận của tác giả vừa khôn khéo vừa kiên quyết. Bác đã dùng lời lẽ bản tuyên ngôn của Mỹ, Pháp để phủ nhận chính âm mưu xâm lược của hai cường quốc này. Qua thủ pháp nghệ thuật “gậy ông đập lưng ông”, dường như tác giả đã ngầm cảnh cáo nếu Pháp xâm lược Việt Nam thì chính họ đã phản bội lại truyền thống tốt đẹp của dân tộc họ đã đúc kết thành chân lý ghi trong bản tuyên ngôn. Họ sẽ làm vấy bùn lên lá cờ nhân đạo của những cuộc cách mạng vĩ đại của nước Pháp, nước Mỹ nếu nhất định tiến quân xâm lược Việt Nam.

Từ cơ sở pháp lý ban đầu là quyền của con người Hồ Chí Minh đã suy rộng theo tính chất bất cầ khẳng định quyền dân tộc. Người đồng dục khẳng định: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Sự phát triển từ quyền con người, quyền dân tộc là suy luận hết sức thông minh và chặt chẽ. Đó còn là một sáng tạo có ý nghĩa to lớn, một cống hiến vĩ đại của chủ tịch Hồ Chí Minh cho dân tộc Việt Nam và cả nhân loại. Sự phát triển ấy chẳng những là phát súng lệnh khởi đầu cho bão táp cách mạng ở các nước thuộc địa, báo hiệu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân trên khắp thế giới vào nửa sau thế kỉ XX. Mà còn là phát súng hiệu thức tỉnh kêu gọi các dân tộc bị áp bức trên thế giới vùng lên đấu tranh để giải phóng độc lập tự do.

Khép lại phần mở đầu là câu văn chắc nịch đanh thép. Người khẳng định mọi quyền lý lẽ chính đáng của con người, dân tộc là những “lẽ phải không ai chối cãi được”. Đây chính là bức tường pháp lý sừng sững, là tiền đề triển khai toàn bộ nội dung bản Tuyên ngôn Độc lập ở phần tiếp theo. Câu văn này cũng thể hiện tính luận chiến quyết liệt của ngòi bút Hồ Chí Minh. Người ngầm cảnh báo với kẻ thù xâm lược, chúng không thể phủ nhận những lí lẽ, chân lý mà toàn thế giới đã công nhận.

Chỉ bằng đoạn văn ngắn mở đầu, Tuyên ngôn Độc lập đã đưa ra căn cứ, lý lẽ xác đáng cho lập luận. Quá trình dẫn dắt tới căn cứ, lập luận này hết sức chính xác, chặt chẽ. Vậy là ngay từ phần mở đầu của “Tuyên ngôn Độc lập”, chủ tịch Hồ Chí Minh đã chứng tỏ tài năng lập luận bậc thầy, sự sâu sắc trong tư tưởng, lí lẽ sắc bén, ngôn ngữ đanh thép hùng hồn tạo nên sức mạnh luận chiến bất ngờ và sức hấp dẫn kỳ lạ của đoạn văn.

Bài văn hay 5: Phân tích đoạn đầu bản Tuyên ngôn độc lập

Trong bài thơ Theo chân Bác, nhà thơ Tố Hữu đã ghi lại thời khắc lịch sử của dân tộc một cách thật xúc động:

“Hôm nay sáng mồng hai tháng chín

Thủ đô hoa, vàng nắng Ba Đình

Muôn triệu tim chờ... chim cũng nín

Bống vang lên tiếng hát ân tình”

Vào sáng mùa thu năm 1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Văn chính luận của Người nói chung, Tuyên ngôn độc lập của Người nói riêng đã thể hiện được một tư duy sắc sảo, một ngòi bút giàu tính luận chiến. Điêu đó được thể hiện chi tiết qua đoạn mở đầu của bản Tuyên ngôn.

Trước hết, đoạn mở đầu bản Tuyên ngôn độc lập, ta thấy cách đặt vấn đề của Hồ Chí Minh rất bất ngờ, độc đáo. Bởi Người không ôn lại lịch sử vẻ vang của dân tộc mà trích dẫn những lời bất hủ trong bản Tuyên ngôn của Mỹ, năm 1776: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Và bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp: “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”. Điêu đó cho thấy Hồ Chí Minh rất sắc sảo và trí tuệ trong cuộc đối thoại lịch sử này. Bởi hai bản tuyên ngôn nổi tiếng của Pháp và Mỹ ở thế kỉ XVIII là di sản tư tưởng của nhân loại, đánh dấu buổi bình minh của cuộc Cách mạng tư sản lật đổ chế độ phong kiến, đã có công lao nêu thành nguyên tắc, pháp lý quyền cơ bản của con người vì vậy có sức thuyết phục người đọc, người nghe.

Lấy hai bản tuyên ngôn nổi tiếng của lịch sử nhân loại làm mở đầu cho bản tuyên ngôn của mình, Hồ Chí Minh không chỉ thể hiện vốn hiểu biết văn hóa và trân trọng thành quả văn hóa của nhân loại mà còn thể hiện sự khôn khéo và kiên quyết. Khôn khéo ở chỗ, Người tỏ ra trân trọng bản Tuyên ngôn của Pháp và Mỹ nhưng cương

quyết cũng bởi đây cũng chính là hình thức gậy ông đập lưng ông. Đúng là bác bỏ luận điệu của kẻ thù thì không có gì lý thú và thích đáng hơn là dùng chính lý lẽ của chúng để đẩy chúng vào tự vạch mặt. Hồ Chí Minh nhắc họ đừng làm vậy bần lên ngọn cờ chính nghĩa mà tổ tiên họ đã phải trải qua bao nhiêu năm đấu tranh mới có thể giành được. Với cách trích dẫn này, Bác đã đặt ba bản Tuyên ngôn ngang hàng nhau, đặt ba nền độc lập đối gọi được niềm tự hào dân tộc như Nguyễn Trãi đã từng viết Bình Ngô đại cáo:

Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần; bao đời xây nền độc lập;

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên; mỗi bên hùng cứ một phương;

(Bình Ngô đại cáo, Nguyễn Trãi)

Một tài tình nữa của Hồ Chí Minh nằm trong ba chữ “suy rộng ra” đi đầu đó cho thấy Bác tỏ ra khéo vận dụng những tinh hoa của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trước đây hơn một thế kỷ bằng cách nâng lên một tầm vóc lớn lao, khái quát hơn. Từ quyên con người nói chung trong bản Tuyên ngôn của Pháp và Mỹ, Người đã nâng lên thành quyên dân tộc. “Suy rộng ra... tất cả các dân tộc trên thế giới... quyên sung sướng và quyên tự do” nghĩa là không chỉ có cá nhân bình đẳng về quyên lợi mà các dân tộc trên thế giới cũng có quyên bình đẳng, quyên tự chủ, tự quyết. Chính ý kiến “Suy rộng ra” của Bác có ý nghĩa lớn lao đối với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới mà một nhà văn hóa nước ngoài trong cuốn “Hồ Chí Minh là Người đã phát triển quyên lợi con người thành quyên lợi dân tộc. Qua phân tích trên có thể thấy đoạn mở đầu hết sức ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, bố cục rõ ràng. Hai câu trích dẫn bổ sung cho nhau - một lời lập luận sáng tạo đầy chất trí tuệ. Một câu khẳng định đanh thép: “Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được” để làm nổi bật lên luận lí chính trị sâu sắc: quyên sống, quyên tự do dân tộc.

Như vậy, đoạn mở đầu của bản Tuyên ngôn đã thể hiện được tài năng lập luận tài tình của Hồ Chí Minh. Người đã đưa ra một cơ sở pháp lý mà không bất kì quốc gia nào có thể chối cãi được.

Dàn ý chi tiết: Phân tích đoạn đầu bản Tuyên ngôn độc lập

1. Mở bài

- Giới thiệu khái quát tác phẩm "Tuyên ngôn độc lập" của Chủ tịch Hồ Chí Minh và phần mở đầu.

2. Thân bài

a. Giá trị nội dung của phần mở đầu bản tuyên ngôn

- Phần mở đầu nêu nguyên lí chung của bản tuyên ngôn.
- Tác giả đã trích dẫn hai bản Tuyên ngôn: Tuyên ngôn Độc lập của Mĩ năm 1776 và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp năm 1791 nhằm:
 - + Khẳng định các quyền lợi cơ bản của con người: Quyền sống, quyền bình đẳng và quyền mưu cầu hạnh phúc.
 - + Nhắc nhở những hành động của bọn đế quốc, thực dân đang đi ngược lại và làm trái với những đi ều mà đất nước họ từng đồng ọc tuyên bố.
- Từ việc trích dẫn về quyền con người để làm dẫn chứng, tác giả đã nâng tầm và mở rộng thành quyền dân tộc.

b. Giá trị nghệ thuật của phần mở đầu bản tuyên ngôn

- Tạo cơ sở pháp lí vững chắc cho các phần còn lại.
- Dẫn chứng xác thực góp phần củng cố lí lẽ, luận điểm đanh thép của tác phẩm.
- Lập luận chặt chẽ và giàu sức thuyết phục, vừa khôn khéo vừa kiên quyết.

3. Kết bài

- Đánh giá vai trò của phần mở đầu đối với tác phẩm "Tuyên ngôn độc lập".